

DANH SÁCH CA THI TIN HỌC VĂN PHÒNG QUỐC TẾ (MOS)

STT	STT	Họ tên	Môn	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Lớp	Ghi chú
1	1	Lê Nguyễn Trí An	Word	01-Apr	07:00	PM3	10A1	
2	2	Nguyễn Tô Thảo An	Word	01-Apr	07:00	PM3	10A1	
3	3	Bùi Minh Anh	Word	01-Apr	07:00	PM3	10A1	
4	4	Nguyễn Ngọc Phương Anh	Word	01-Apr	07:00	PM3	10A1	
5	5	Lê Đình Bảo	Word	01-Apr	07:00	PM3	10A1	
6	6	Nguyễn Hương Giang	Word	01-Apr	07:00	PM3	10A1	
7	7	Phạm Huỳnh Hương Giang	Word	01-Apr	07:00	PM3	10A1	
8	8	Phan Vũ Thúy Hằng	Word	01-Apr	07:00	PM3	10A1	
9	9	Lữ Gia Hân	Word	01-Apr	07:00	PM3	10A1	
10	10	Nguyễn Ngọc Gia Hân	Word	01-Apr	07:00	PM3	10A1	
11	11	Nguyễn Đức Hoàng	Word	01-Apr	07:00	PM3	10A1	
12	12	Trần Huy Hoàng	Word	01-Apr	07:00	PM3	10A1	
13	13	Hồng Thụy Bích Huyền	Word	01-Apr	07:00	PM3	10A1	
14	14	Nguyễn Đăng Khoa	Word	01-Apr	07:00	PM3	10A1	
15	15	Đoàn Anh Khôi	Word	01-Apr	07:00	PM3	10A1	
16	16	Võ Thùy Linh	Word	01-Apr	07:00	PM3	10A1	
17	17	Vũ Hải Hiền Lương	Word	01-Apr	07:00	PM3	10A1	
18	18	Phan Anh Minh	Word	01-Apr	07:00	PM3	10A1	
19	19	Tăng Thị Thúy Nga	Word	01-Apr	07:00	PM3	10A1	
20	20	Huỳnh Ngọc Kim Ngân	Word	01-Apr	07:00	PM3	10A1	
21	21	Phạm Trần Kim Ngân	Word	01-Apr	07:00	PM3	10A1	
22	22	Châu Ngọc Phương Nghi	Word	01-Apr	07:00	PM3	10A1	
23	23	Dương Hoàng Yến Ngọc	Word	01-Apr	07:00	PM3	10A1	
24	24	Nguyễn Hoàng Phúc	Word	01-Apr	07:00	PM3	10A1	
25	25	Nguyễn Hoàng Quân	Word	01-Apr	07:00	PM3	10A1	
26	26	Lê Châu Minh Thư	Word	01-Apr	07:00	PM3	10A1	
27	27	Trần Vũ Anh Thư	Word	01-Apr	07:00	PM3	10A1	
28	28	Nguyễn Trần Phương Thy	Word	01-Apr	07:00	PM3	10A1	
29	29	Nguyễn Phúc Thanh An	Word	01-Apr	07:00	PM3	10A7	
30	30	Ngô Trang Phương Anh	Word	01-Apr	07:00	PM3	10A7	
31	31	Nguyễn Đoàn Tuấn Anh	Word	01-Apr	07:00	PM3	10A7	
32	32	Phạm Quỳnh Anh	Word	01-Apr	07:00	PM3	10A7	
33	33	Phạm Trần Tâm Anh	Word	01-Apr	07:00	PM3	10A7	
34	34	Trương Thị Phương Anh	Word	01-Apr	07:00	PM3	10A7	
35	35	Nguyễn Lương Minh Chi	Word	01-Apr	07:00	PM3	10A7	
36	36	Nguyễn Hữu Đạt	Word	01-Apr	07:00	PM3	10A7	
37	37	Phạm Huỳnh Tấn Đạt	Word	01-Apr	07:00	PM3	10A7	
38	38	Nguyễn Đặng Thủy Tiên	Word	01-Apr	07:00	PM3	10A1	
39	39	Trần Ngọc Phương Vy	Word	01-Apr	07:00	PM3	10A1	

DANH SÁCH CA THI TIN HỌC VĂN PHÒNG QUỐC TẾ (MOS)

STT	STT	Họ tên	Môn	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Lớp	Ghi chú
40	1	Phạm Ngọc Diễm	Word	01-Apr	07:00	PM4	10A7	
41	2	Đinh Thị Hồng Diệp	Word	01-Apr	07:00	PM4	10A7	
42	3	Vũ Đức Duy	Word	01-Apr	07:00	PM4	10A7	
43	4	Nguyễn Trần An Duyên	Word	01-Apr	07:00	PM4	10A7	
44	5	Hồ Hà Bảo Hân	Word	01-Apr	07:00	PM4	10A7	
45	6	Đoàn Duy Hằng	Word	01-Apr	07:00	PM4	10A7	
46	7	Nguyễn Thị Minh Hạnh	Word	01-Apr	07:00	PM4	10A7	
47	8	Lê Thanh Hậu	Word	01-Apr	07:00	PM4	10A7	
48	9	Đinh Gia Huy	Word	01-Apr	07:00	PM4	10A7	
49	10	Lê Đỗ Duy Huy	Word	01-Apr	07:00	PM4	10A7	
50	11	Nguyễn Bảo Gia Huy	Word	01-Apr	07:00	PM4	10A7	
51	12	Nguyễn Gia Huy	Word	01-Apr	07:00	PM4	10A7	
52	13	Trần Quốc Huy	Word	01-Apr	07:00	PM4	10A7	
53	14	Nguyễn Như Nguyên Khang	Word	01-Apr	07:00	PM4	10A7	
54	15	Vũ Thị Dương Lâm	Word	01-Apr	07:00	PM4	10A7	
55	16	Bùi Ngọc Linh	Word	01-Apr	07:00	PM4	10A7	
56	17	Nguyễn Ngọc Phương Linh	Word	01-Apr	07:00	PM4	10A7	
57	18	Trần Phương Linh	Word	01-Apr	07:00	PM4	10A7	
58	19	Phạm Hoài Hồng Minh	Word	01-Apr	07:00	PM4	10A7	
59	20	Dương Nguyễn Kim Ngân	Word	01-Apr	07:00	PM4	10A7	
60	21	Nguyễn Quỳnh Phụng Nghi	Word	01-Apr	07:00	PM4	10A7	
61	22	Nguyễn Mai Hồng Ngọc	Word	01-Apr	07:00	PM4	10A7	
62	23	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	Word	01-Apr	07:00	PM4	10A7	
63	24	Nguyễn Trần Bích Nhi	Word	01-Apr	07:00	PM4	10A7	
64	25	Hoàng Lê Kim Phát	Word	01-Apr	07:00	PM4	10A7	
65	26	Nguyễn Hữu Phát	Word	01-Apr	07:00	PM4	10A7	
66	27	Huỳnh Huy Phong	Word	01-Apr	07:00	PM4	10A7	
67	28	Lê Đăng Mai Phương	Word	01-Apr	07:00	PM4	10A7	
68	29	Võ Hoài Phương	Word	01-Apr	07:00	PM4	10A7	
69	30	Đặng Phước Minh Sang	Word	01-Apr	07:00	PM4	10A7	
70	31	Nguyễn Ngọc Minh Thu	Word	01-Apr	07:00	PM4	10A7	
71	32	Võ Ngọc Anh Thu	Word	01-Apr	07:00	PM4	10A7	
72	33	Trần Mỹ Trâm	Word	01-Apr	07:00	PM4	10A7	
73	34	Lê Nguyễn Khôi Tuấn	Word	01-Apr	07:00	PM4	10A7	
74	35	Trương Quốc Việt	Word	01-Apr	07:00	PM4	10A7	
75	36	Trần Hoàng Vũ	Word	01-Apr	07:00	PM4	10A7	
76	37	Nguyễn Vũ Nhật Vy	Word	01-Apr	07:00	PM4	10A7	
77	38	Triệu Trung Hiếu	Word	01-Apr	07:00	PM4	10A10	
78	39	Nguyễn Chí Công	Word	01-Apr	07:00	PM4	10A11	

DANH SÁCH CA THI TIN HỌC VĂN PHÒNG QUỐC TẾ (MOS)

STT	STT	Họ tên	Môn	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Lớp	Ghi chú
79	1	Phạm Công Minh An	Word	01-Apr	08:30	PM3	10A10	
80	2	Đặng Trâm Anh	Word	01-Apr	08:30	PM3	10A10	
81	3	Đỗ Lan Anh	Word	01-Apr	08:30	PM3	10A10	
82	4	Trương Quốc Bảo	Word	01-Apr	08:30	PM3	10A10	
83	5	Vũ Anh Duy	Word	01-Apr	08:30	PM3	10A10	
84	6	Cao Trọng Đức	Word	01-Apr	08:30	PM3	10A10	
85	7	Phạm Minh Đức	Word	01-Apr	08:30	PM3	10A10	
86	8	Nguyễn Thị Cẩm Giang	Word	01-Apr	08:30	PM3	10A10	
87	9	Trịnh Nguyễn Kiến Hào	Word	01-Apr	08:30	PM3	10A10	
88	10	Kiều Gia Huy	Word	01-Apr	08:30	PM3	10A10	
89	11	Tăng Gia Huy	Word	01-Apr	08:30	PM3	10A10	
90	12	Nguyễn Hữu Khang Hy	Word	01-Apr	08:30	PM3	10A10	
91	13	Trịnh Nguyễn Kiến Khang	Word	01-Apr	08:30	PM3	10A10	
92	14	Nguyễn Huy Khánh	Word	01-Apr	08:30	PM3	10A10	
93	15	Trần Trọng Khiêm	Word	01-Apr	08:30	PM3	10A10	
94	16	Nguyễn Gia Kiện	Word	01-Apr	08:30	PM3	10A10	
95	17	Lê Anh Kiệt	Word	01-Apr	08:30	PM3	10A10	
96	18	Phạm Nguyễn Thanh Lê	Word	01-Apr	08:30	PM3	10A10	
97	19	Mã Bảo Long	Word	01-Apr	08:30	PM3	10A10	
98	20	Lê Gia Lượng	Word	01-Apr	08:30	PM3	10A10	
99	21	Hồ Đức Mạnh	Word	01-Apr	08:30	PM3	10A10	
100	22	Lữ Nguyễn Nhất Minh	Word	01-Apr	08:30	PM3	10A10	
101	23	Nguyễn Duy Minh	Word	01-Apr	08:30	PM3	10A10	
102	24	Nguyễn Công Nam	Word	01-Apr	08:30	PM3	10A10	
103	25	Nguyễn Duy Nam	Word	01-Apr	08:30	PM3	10A10	
104	26	Lưu Nguyễn Bảo Nghi	Word	01-Apr	08:30	PM3	10A10	
105	27	Đào Quang Nhật	Word	01-Apr	08:30	PM3	10A10	
106	28	Nguyễn Minh Nhật	Word	01-Apr	08:30	PM3	10A10	
107	29	Nguyễn Xuân Phong	Word	01-Apr	08:30	PM3	10A10	
108	30	Nguyễn Duy Phú	Word	01-Apr	08:30	PM3	10A10	
109	31	Bùi Duy Phúc	Word	01-Apr	08:30	PM3	10A10	
110	32	Trần Viết Phúc	Word	01-Apr	08:30	PM3	10A10	
111	33	Nguyễn Ngọc Phụng	Word	01-Apr	08:30	PM3	10A10	
112	34	Nguyễn Hữu Phước	Word	01-Apr	08:30	PM3	10A10	
113	35	Ngô Minh Quang	Word	01-Apr	08:30	PM3	10A10	
114	36	Đỗ An Thịnh	Word	01-Apr	08:30	PM3	10A10	
115	37	Phạm Thụy Thiên Thư	Word	01-Apr	08:30	PM3	10A10	
116	38	Nguyễn Thanh Thiên Trúc	Word	01-Apr	08:30	PM3	10A10	

DANH SÁCH CA THI TIN HỌC VĂN PHÒNG QUỐC TẾ (MOS)

STT	STT	Họ tên	Môn	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Lớp	Ghi chú
117	1	Nguyễn Tấn Trung	Word	01-Apr	08:30	PM4	10A10	
118	2	Lê Hồ Thanh Tú	Word	01-Apr	08:30	PM4	10A10	
119	3	Nguyễn Ngọc Bảo Uyên	Word	01-Apr	08:30	PM4	10A10	
120	4	Nguyễn Quốc Vinh	Word	01-Apr	08:30	PM4	10A10	
121	5	Nguyễn Hữu Huy Vũ	Word	01-Apr	08:30	PM4	10A10	
122	6	Nguyễn Thiên Ân	Word	01-Apr	08:30	PM4	10A11	
123	7	Cao Ngọc Anh	Word	01-Apr	08:30	PM4	10A11	
124	8	Trần Quốc Anh	Word	01-Apr	08:30	PM4	10A11	
125	9	Nguyễn Phú Bình	Word	01-Apr	08:30	PM4	10A11	
126	10	Nguyễn Trần Khánh Đăng	Word	01-Apr	08:30	PM4	10A11	
127	11	Nguyễn Kim Tiến Đạt	Word	01-Apr	08:30	PM4	10A11	
128	12	Vũ Anh Đức	Word	01-Apr	08:30	PM4	10A11	
129	13	Trần Phương Duy	Word	01-Apr	08:30	PM4	10A11	
130	14	Hoàng Gia	Word	01-Apr	08:30	PM4	10A11	
131	15	Phí Nguyễn Minh Hà	Word	01-Apr	08:30	PM4	10A11	
132	16	Lưu Nguyễn Gia Hân	Word	01-Apr	08:30	PM4	10A11	
133	17	Nguyễn Phi Minh Hiếu	Word	01-Apr	08:30	PM4	10A11	
134	18	Nguyễn Cao Quỳnh Hương	Word	01-Apr	08:30	PM4	10A11	
135	19	Nguyễn Đức Huy	Word	01-Apr	08:30	PM4	10A11	
136	20	Nguyễn Hoàng Bảo Khanh	Word	01-Apr	08:30	PM4	10A11	
137	21	Lê Trần Anh Khôi	Word	01-Apr	08:30	PM4	10A11	
138	22	Nguyễn Đức Khôi	Word	01-Apr	08:30	PM4	10A11	
139	23	Trần Đặng Anh Kiệt	Word	01-Apr	08:30	PM4	10A11	
140	24	Phạm Ánh Linh	Word	01-Apr	08:30	PM4	10A11	
141	25	Phạm Đức Lượng	Word	01-Apr	08:30	PM4	10A11	
142	26	Mai Đức Mạnh	Word	01-Apr	08:30	PM4	10A11	
143	27	Vũ Đức Mạnh	Word	01-Apr	08:30	PM4	10A11	
144	28	Đỗ Tuấn Minh	Word	01-Apr	08:30	PM4	10A11	
145	29	Nguyễn Bình Minh	Word	01-Apr	08:30	PM4	10A11	
146	30	Nguyễn Vũ Hoàng Minh	Word	01-Apr	08:30	PM4	10A11	
147	31	Phan Nhật Minh	Word	01-Apr	08:30	PM4	10A11	
148	32	Trần Lê Minh	Word	01-Apr	08:30	PM4	10A11	
149	33	Hà Trần Trúc Ngân	Word	01-Apr	08:30	PM4	10A11	
150	34	Hồ Bảo Ngọc	Word	01-Apr	08:30	PM4	10A11	
151	35	Phạm Hoàng Nguyên	Word	01-Apr	08:30	PM4	10A11	
152	36	Đinh Hồng Phát	Word	01-Apr	08:30	PM4	10A11	
153	37	Nguyễn Đức Phú	Word	01-Apr	08:30	PM4	10A11	

DANH SÁCH CA THI TIN HỌC VĂN PHÒNG QUỐC TẾ (MOS)

STT	STT	Họ tên	Môn	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Lớp	Ghi chú
154	1	Nguyễn Gia Phú	Word	01-Apr	10:00	PM3	10A11	
155	2	Nguyễn Việt Phúc	Word	01-Apr	10:00	PM3	10A11	
156	3	Nguyễn Hoàng Quân	Word	01-Apr	10:00	PM3	10A11	
157	4	Phạm Hoàng Sơn	Word	01-Apr	10:00	PM3	10A11	
158	5	Nguyễn Đức Tài	Word	01-Apr	10:00	PM3	10A11	
159	6	Lâm Việt Thành	Word	01-Apr	10:00	PM3	10A11	
160	7	Trương Thị Thu Thủy	Word	01-Apr	10:00	PM3	10A11	
161	8	Châu Quế Trân	Word	01-Apr	10:00	PM3	10A11	
162	9	Nguyễn Ngọc Tâm Uyên	Word	01-Apr	10:00	PM3	10A11	
163	10	Lê Văn Vinh	Word	01-Apr	10:00	PM3	10A11	
164	11	Lê Đình Ngọc Vy	Word	01-Apr	10:00	PM3	10A11	
165	12	Trần Văn Anh	Word	01-Apr	10:00	PM3	10A18	
166	13	Trần Quốc Bảo	Word	01-Apr	10:00	PM3	10A18	
167	14	Vũ Thị Thùy Dương	Word	01-Apr	10:00	PM3	10A18	
168	15	Nguyễn Ngọc Phúc Hải	Word	01-Apr	10:00	PM3	10A18	
169	16	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Word	01-Apr	10:00	PM3	10A18	
170	17	Hoàng Thu Hiền	Word	01-Apr	10:00	PM3	10A18	
171	18	Trần Thị Minh Khánh	Word	01-Apr	10:00	PM3	10A18	
172	19	Nguyễn Khánh Ly	Word	01-Apr	10:00	PM3	10A18	
173	20	Nguyễn Thị Thanh Mai	Word	01-Apr	10:00	PM3	10A18	
174	21	Nguyễn An Na	Word	01-Apr	10:00	PM3	10A18	
175	22	Trần Nguyễn Bảo Ngọc	Word	01-Apr	10:00	PM3	10A18	
176	23	Vũ Thị Thảo Nguyên	Word	01-Apr	10:00	PM3	10A18	
177	24	Hà Thị Yến Nhi	Word	01-Apr	10:00	PM3	10A18	
178	25	Nguyễn Ngọc Linh Nhi	Word	01-Apr	10:00	PM3	10A18	
179	26	Phạm Thị Kim Phụng	Word	01-Apr	10:00	PM3	10A18	
180	27	Trà Ngọc Trúc Quỳnh	Word	01-Apr	10:00	PM3	10A18	
181	28	Trần Đăng Thanh	Word	01-Apr	10:00	PM3	10A18	
182	29	Lê Hải Trà	Word	01-Apr	10:00	PM3	10A18	
183	30	Đoàn Nguyễn Thanh Vân	Word	01-Apr	10:00	PM3	10A18	
184	31	Nguyễn Dương Tường Vy	Word	01-Apr	10:00	PM3	10A18	
185	32	Trần Gia Hân	Word	01-Apr	10:00	PM3	11A13	
186	33	Nguyễn Hoàng Trâm Anh	Word	01-Apr	10:00	PM3	10A8	
187	34	Nguyễn Trần Duy Anh	Word	01-Apr	10:00	PM3	10A8	
188	35	Phạm Quỳnh Anh	Word	01-Apr	10:00	PM3	10A8	
189	36	Phùng Thế Tuấn Anh	Word	01-Apr	10:00	PM3	10A8	
190	37	Trần Huỳnh Lan Anh	Word	01-Apr	10:00	PM3	10A8	
191	38	Trần Thư Dương	Word	01-Apr	10:00	PM3	10A9	
192	39	Nguyễn Thị Phương Thảo	Word	01-Apr	10:00	PM3	10A9	

DANH SÁCH CA THI TIN HỌC VĂN PHÒNG QUỐC TẾ (MOS)

STT	STT	Họ tên	Môn	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Lớp	Ghi chú
193	1	Bùi Nguyễn Gia Bảo	Word	01-Apr	10:00	PM4	10A8	
194	2	Nguyễn Trương Minh Đức	Word	01-Apr	10:00	PM4	10A8	
195	3	Trần Hoàng Đức	Word	01-Apr	10:00	PM4	10A8	
196	4	Mai Hoàng Hà	Word	01-Apr	10:00	PM4	10A8	
197	5	Đỗ Gia Hân	Word	01-Apr	10:00	PM4	10A8	
198	6	Nguyễn Quang Huy	Word	01-Apr	10:00	PM4	10A8	
199	7	Huỳnh Trung Kiên	Word	01-Apr	10:00	PM4	10A8	
200	8	Trần Khải Nam Kiệt	Word	01-Apr	10:00	PM4	10A8	
201	9	Nguyễn Thành Lâm	Word	01-Apr	10:00	PM4	10A8	
202	10	Phạm Khánh Linh	Word	01-Apr	10:00	PM4	10A8	
203	11	Nguyễn Võ Chí Minh	Word	01-Apr	10:00	PM4	10A8	
204	12	Phạm Mai Nghi	Word	01-Apr	10:00	PM4	10A8	
205	13	Nguyễn Trần Bảo Ngọc	Word	01-Apr	10:00	PM4	10A8	
206	14	Phạm Khánh Ngọc	Word	01-Apr	10:00	PM4	10A8	
207	15	Trần Nguyễn Bảo Ngọc	Word	01-Apr	10:00	PM4	10A8	
208	16	Trần Khánh Nguyên	Word	01-Apr	10:00	PM4	10A8	
209	17	Đinh Lê Yến Nhi	Word	01-Apr	10:00	PM4	10A8	
210	18	Huỳnh Ngọc Phương Nhi	Word	01-Apr	10:00	PM4	10A8	
211	19	Phạm Lê Uyên Nhi	Word	01-Apr	10:00	PM4	10A8	
212	20	Trần Ngọc Yến Nhi	Word	01-Apr	10:00	PM4	10A8	
213	21	Mã Gia Phúc	Word	01-Apr	10:00	PM4	10A8	
214	22	Võ Chúc Quân	Word	01-Apr	10:00	PM4	10A8	
215	23	Cao Nguyên Hương Quỳnh	Word	01-Apr	10:00	PM4	10A8	
216	24	Bùi Hoàng Sang	Word	01-Apr	10:00	PM4	10A8	
217	25	Phạm Thái Sơn	Word	01-Apr	10:00	PM4	10A8	
218	26	Nguyễn Đắc Tài	Word	01-Apr	10:00	PM4	10A8	
219	27	Nguyễn Hoàng Hoài Tâm	Word	01-Apr	10:00	PM4	10A8	
220	28	Lê Hồng Thẩm	Word	01-Apr	10:00	PM4	10A8	
221	29	Trần Diệp Uyên Thảo	Word	01-Apr	10:00	PM4	10A8	
222	30	Bùi Ngọc Kim Thư	Word	01-Apr	10:00	PM4	10A8	
223	31	Trương Anh Thư	Word	01-Apr	10:00	PM4	10A8	
224	32	Trần Hà Trân	Word	01-Apr	10:00	PM4	10A8	
225	33	Trần Minh Tú	Word	01-Apr	10:00	PM4	10A8	
226	34	Trương Nguyễn Tường Vân	Word	01-Apr	10:00	PM4	10A8	
227	35	Mai Thị Thảo Vy	Word	01-Apr	10:00	PM4	10A8	
228	36	Vũ Lê Phương Vy	Word	01-Apr	10:00	PM4	10A8	
229	37	Vũ Ngọc Thảo Vy	Word	01-Apr	10:00	PM4	10A8	
230	38	Phạm Hoàng Tấn Bảo	Word	01-Apr	10:00	PM4	10A12	
231	39	Lê Minh Dũng	Word	01-Apr	10:00	PM4	10A16	
232	40	Đỗ Ngọc Hân	Word	01-Apr	10:00	PM4	10A16	

DANH SÁCH CA THI TIN HỌC VĂN PHÒNG QUỐC TẾ (MOS)

STT	STT	Họ tên	Môn	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Lớp	Ghi chú
233	1	Hà Phương Anh	Word	01-Apr	13:00	PM3	10A9	
234	2	Hầu Phạm Quỳnh Anh	Word	01-Apr	13:00	PM3	10A9	
235	3	Võ Dương Hoàng Anh	Word	01-Apr	13:00	PM3	10A9	
236	4	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	Word	01-Apr	13:00	PM3	10A9	
237	5	Lê Phan Ngọc Châu	Word	01-Apr	13:00	PM3	10A9	
238	6	Nguyễn Viết Trí Dũng	Word	01-Apr	13:00	PM3	10A9	
239	7	Nguyễn Võ Xuân Duy	Word	01-Apr	13:00	PM3	10A9	
240	8	Bùi Anh Hào	Word	01-Apr	13:00	PM3	10A9	
241	9	Lư Vĩnh Gia Hân	Word	01-Apr	13:00	PM3	10A9	
242	10	Nguyễn Trần Gia Hân	Word	01-Apr	13:00	PM3	10A9	
243	11	Nguyễn Lê Kim Hiền	Word	01-Apr	13:00	PM3	10A9	
244	12	Nguyễn Quốc Hòa	Word	01-Apr	13:00	PM3	10A9	
245	13	Lê Nguyễn Minh Hoàng	Word	01-Apr	13:00	PM3	10A9	
246	14	Nguyễn Ngọc Huyền	Word	01-Apr	13:00	PM3	10A9	
247	15	Trịnh Thành Hưng	Word	01-Apr	13:00	PM3	10A9	
248	16	Nguyễn Ngọc Kim Khánh	Word	01-Apr	13:00	PM3	10A9	
249	17	Nguyễn Hữu Đăng Khoa	Word	01-Apr	13:00	PM3	10A9	
250	18	Đoàn Minh Long	Word	01-Apr	13:00	PM3	10A9	
251	19	Huỳnh Ngọc Long	Word	01-Apr	13:00	PM3	10A9	
252	20	Nguyễn Thị Bích Ngân	Word	01-Apr	13:00	PM3	10A9	
253	21	Nguyễn Thị Kim Ngân	Word	01-Apr	13:00	PM3	10A9	
254	22	Phan Viết Thiện Nhân	Word	01-Apr	13:00	PM3	10A9	
255	23	Phạm Tố Như	Word	01-Apr	13:00	PM3	10A9	
256	24	Hồ Kỳ Phong	Word	01-Apr	13:00	PM3	10A9	
257	25	Nguyễn Nam Phong	Word	01-Apr	13:00	PM3	10A9	
258	26	Nguyễn Anh Phúc	Word	01-Apr	13:00	PM3	10A9	
259	27	Hồ Nguyễn Thảo Sương	Word	01-Apr	13:00	PM3	10A9	
260	28	Nguyễn Minh Tâm	Word	01-Apr	13:00	PM3	10A9	
261	29	Tô Nữ Thiên Thanh	Word	01-Apr	13:00	PM3	10A9	
262	30	Lê Thị Thanh Thảo	Word	01-Apr	13:00	PM3	10A9	
263	31	Lý Nguyễn Phương Thảo	Word	01-Apr	13:00	PM3	10A9	
264	32	Phạm Anh Thư	Word	01-Apr	13:00	PM3	10A9	
265	33	Trần Thị Song Thư	Word	01-Apr	13:00	PM3	10A9	
266	34	Trịnh Lê Anh Thư	Word	01-Apr	13:00	PM3	10A9	
267	35	Lê Ngọc Anh Thy	Word	01-Apr	13:00	PM3	10A9	
268	36	Phạm Huỳnh Huyền Trân	Word	01-Apr	13:00	PM3	10A9	
269	37	Phan Hoàng Thanh Trúc	Word	01-Apr	13:00	PM3	10A9	
270	38	Đoàn Ngô Anh Tú	Word	01-Apr	13:00	PM3	10A9	

DANH SÁCH CA THI TIN HỌC VĂN PHÒNG QUỐC TẾ (MOS)

STT	STT	Họ tên	Môn	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Lớp	Ghi chú
271	1	Lê Ánh Tuyết	Word	01-Apr	13:00	PM4	10A9	
272	2	Vương Phương Uyên	Word	01-Apr	13:00	PM4	10A9	
273	3	Huỳnh Lê Phương Vy	Word	01-Apr	13:00	PM4	10A9	
274	4	Nguyễn Bảo Minh Vy	Word	01-Apr	13:00	PM4	10A9	
275	5	Trịnh Như Ý	Word	01-Apr	13:00	PM4	10A9	
276	6	Trương Thái Vân An	Word	01-Apr	13:00	PM4	10A12	
277	7	Phạm Vũ Thiên Ân	Word	01-Apr	13:00	PM4	10A12	
278	8	Trương Nguyễn Gia Bảo	Word	01-Apr	13:00	PM4	10A12	
279	9	Trần Phúc Đạt	Word	01-Apr	13:00	PM4	10A12	
280	10	An Phúc Đức	Word	01-Apr	13:00	PM4	10A12	
281	11	Trương Hồng Đức	Word	01-Apr	13:00	PM4	10A12	
282	12	Bùi Huỳnh Quốc Duy	Word	01-Apr	13:00	PM4	10A12	
283	13	Mai Lê Duy	Word	01-Apr	13:00	PM4	10A12	
284	14	Nguyễn Kim Bảo Giang	Word	01-Apr	13:00	PM4	10A12	
285	15	Trần Duy Khang	Word	01-Apr	13:00	PM4	10A12	
286	16	Nguyễn Anh Khoa	Word	01-Apr	13:00	PM4	10A12	
287	17	Nguyễn Minh Khoa	Word	01-Apr	13:00	PM4	10A12	
288	18	Ngô Tiến Tuấn Kiệt	Word	01-Apr	13:00	PM4	10A12	
289	19	Võ Tuấn Kiệt	Word	01-Apr	13:00	PM4	10A12	
290	20	Lê Xuân Lộc	Word	01-Apr	13:00	PM4	10A12	
291	21	Nguyễn Đình Lộc	Word	01-Apr	13:00	PM4	10A12	
292	22	Nguyễn Trần Phi Long	Word	01-Apr	13:00	PM4	10A12	
293	23	Huỳnh Trần Bảo Luân	Word	01-Apr	13:00	PM4	10A12	
294	24	Lê Quang Minh	Word	01-Apr	13:00	PM4	10A12	
295	25	Nguyễn Hoàng Ngân	Word	01-Apr	13:00	PM4	10A12	
296	26	Nguyễn Đăng Nguyên	Word	01-Apr	13:00	PM4	10A12	
297	27	Phan Trí Nhân	Word	01-Apr	13:00	PM4	10A12	
298	28	Lê Quỳnh Như	Word	01-Apr	13:00	PM4	10A12	
299	29	Nguyễn Trần Thúy Như	Word	01-Apr	13:00	PM4	10A12	
300	30	Phạm Thị Quỳnh Như	Word	01-Apr	13:00	PM4	10A12	
301	31	Vũ Tiến Phát	Word	01-Apr	13:00	PM4	10A12	
302	32	Nguyễn Phạm Gia Phú	Word	01-Apr	13:00	PM4	10A12	
303	33	Lê Nguyễn Kim Phụng	Word	01-Apr	13:00	PM4	10A12	
304	34	Phạm Anh Tài	Word	01-Apr	13:00	PM4	10A12	
305	35	Trương Triệu Tân	Word	01-Apr	13:00	PM4	10A12	
306	36	Phạm Quyết Thắng	Word	01-Apr	13:00	PM4	10A12	
307	37	Đoàn Phạm Hải Thảo	Word	01-Apr	13:00	PM4	10A12	
308	38	Lại Tuấn Minh	Word	01-Apr	13:00	PM4	10A12	

DANH SÁCH CA THI TIN HỌC VĂN PHÒNG QUỐC TẾ (MOS)

STT	STT	Họ tên	Môn	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Lớp	Ghi chú
309	1	Trần Lê Hồng Khang	PPoint	01-Apr	14:30	PM3	11A8	
310	2	Nguyễn Công Khôi	PPoint	01-Apr	14:30	PM3	11A8	
311	3	Trần Nguyễn Vy Lâm	PPoint	01-Apr	14:30	PM3	11A8	
312	4	Tiền Đức Thịnh	PPoint	01-Apr	14:30	PM3	11A8	
313	5	Nguyễn Minh Tiến	PPoint	01-Apr	14:30	PM3	11A8	
314	6	Trần Thanh Thảo	Word	01-Apr	14:30	PM3	10A12	
315	7	Văn Ngô Chí Thiện	Word	01-Apr	14:30	PM3	10A12	
316	8	Nguyễn Hữu Thọ	Word	01-Apr	14:30	PM3	10A12	
317	9	Lê Trần Kiều Trang	Word	01-Apr	14:30	PM3	10A12	
318	10	Võ Thiên Trung	Word	01-Apr	14:30	PM3	10A12	
319	11	Võ Đoàn Khánh Vân	Word	01-Apr	14:30	PM3	10A12	
320	12	Hà Gia Anh	Word	01-Apr	14:30	PM3	10A16	
321	13	Hà Minh Anh	Word	01-Apr	14:30	PM3	10A16	
322	14	Võ Ngọc Minh Châu	Word	01-Apr	14:30	PM3	10A16	
323	15	Lê Quang Đại	Word	01-Apr	14:30	PM3	10A16	
324	16	Lữ Triển Đạt	Word	01-Apr	14:30	PM3	10A16	
325	17	Nguyễn Ngọc Khánh Hòa	Word	01-Apr	14:30	PM3	10A16	
326	18	Nguyễn Thúy Huyền	Word	01-Apr	14:30	PM3	10A16	
327	19	Lã Trọng Khang	Word	01-Apr	14:30	PM3	10A16	
328	20	Trương Lê Thúy Liễu	Word	01-Apr	14:30	PM3	10A16	
329	21	Mai Nguyễn Trà My	Word	01-Apr	14:30	PM3	10A16	
330	22	Phạm Huỳnh Thảo Nguyên	Word	01-Apr	14:30	PM3	10A16	
331	23	Đào Lê Minh Nhật	Word	01-Apr	14:30	PM3	10A16	
332	24	Lưu Đình Ngọc Như	Word	01-Apr	14:30	PM3	10A16	
333	25	Nguyễn Vũ Thiên Thanh	Word	01-Apr	14:30	PM3	10A16	
334	26	Đoàn Nguyên Thảo	Word	01-Apr	14:30	PM3	10A16	
335	27	Lê Ngọc Anh Thư	Word	01-Apr	14:30	PM3	10A16	
336	28	Trần Đào Minh Thư	Word	01-Apr	14:30	PM3	10A16	
337	29	Nguyễn Thị Phương Trinh	Word	01-Apr	14:30	PM3	10A16	
338	30	Đặng Minh Tuấn	Word	01-Apr	14:30	PM3	10A16	
339	31	Đỗ Hà Ngọc Anh	Word	01-Apr	14:30	PM3	10A14	
340	32	Ngô Chí Bảo	Word	01-Apr	14:30	PM3	10A14	
341	33	Phan Thị Bảo Châu	Word	01-Apr	14:30	PM3	10A14	
342	34	Phạm Đình Anh Chiến	Word	01-Apr	14:30	PM3	10A14	
343	35	Phạm Minh Đức	Word	01-Apr	14:30	PM3	10A14	
344	36	Nguyễn Minh Dũng	Word	01-Apr	14:30	PM3	10A14	
345	37	Lê Đại Dương	Word	01-Apr	14:30	PM3	10A14	
346	38	Nguyễn Ngọc Phương Duyên	Word	01-Apr	14:30	PM3	10A14	
347	39	Nguyễn Đăng Khoa	Word	01-Apr	14:30	PM3	10A13	

DANH SÁCH CA THI TIN HỌC VĂN PHÒNG QUỐC TẾ (MOS)

STT	STT	Họ tên	Môn	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Lớp	Ghi chú
348	1	Võ Lê Gia Hân	Word	01-Apr	14:30	PM4	10A14	
349	2	Nguyễn Hứa Nam Hưng	Word	01-Apr	14:30	PM4	10A14	
350	3	Lê Thị Quỳnh Hương	Word	01-Apr	14:30	PM4	10A14	
351	4	Trần Châu Nguyên Khang	Word	01-Apr	14:30	PM4	10A14	
352	5	Nguyễn Hoàng Long	Word	01-Apr	14:30	PM4	10A14	
353	6	Trần Võ Hoàng Long	Word	01-Apr	14:30	PM4	10A14	
354	7	Trần Trung Nghĩa	Word	01-Apr	14:30	PM4	10A14	
355	8	Nguyễn Phúc Thảo Nguyên	Word	01-Apr	14:30	PM4	10A14	
356	9	Hoàng Minh Quân	Word	01-Apr	14:30	PM4	10A14	
357	10	Nguyễn Phạm Minh Tài	Word	01-Apr	14:30	PM4	10A14	
358	11	Trần Ngọc Bảo Tâm	Word	01-Apr	14:30	PM4	10A14	
359	12	Nguyễn Minh Thắng	Word	01-Apr	14:30	PM4	10A14	
360	13	Nguyễn Thị Phương Thảo	Word	01-Apr	14:30	PM4	10A14	
361	14	Trần Hoàng Nguyên Thảo	Word	01-Apr	14:30	PM4	10A14	
362	15	Huỳnh Quang Đức Thịnh	Word	01-Apr	14:30	PM4	10A14	
363	16	Nguyễn Thanh Thuận	Word	01-Apr	14:30	PM4	10A14	
364	17	Âu Quỳnh Thy	Word	01-Apr	14:30	PM4	10A14	
365	18	Nguyễn Thị Huyền Trang	Word	01-Apr	14:30	PM4	10A14	
366	19	Nguyễn Minh Trí	Word	01-Apr	14:30	PM4	10A14	
367	20	Đào Mai Quỳnh Trúc	Word	01-Apr	14:30	PM4	10A14	
368	21	Hoàng Thanh Trúc	Word	01-Apr	14:30	PM4	10A14	
369	22	Phạm Bảo Ngọc Trúc	Word	01-Apr	14:30	PM4	10A14	
370	23	Trần Quang Trung	Word	01-Apr	14:30	PM4	10A14	
371	24	Đoàn Mạnh Trường	Word	01-Apr	14:30	PM4	10A14	
372	25	Phạm Tiến Tuân	Word	01-Apr	14:30	PM4	10A14	
373	26	Cao Lan Vy	Word	01-Apr	14:30	PM4	10A14	
374	27	Nguyễn Ngọc Tường Vy	Word	01-Apr	14:30	PM4	10A14	
375	28	Huỳnh Lê Hải Yến	Word	01-Apr	14:30	PM4	10A14	
376	29	Lưu Đặng Minh Anh	Word	01-Apr	14:30	PM4	10A2	
377	30	Nguyễn Lê Minh Anh	Word	01-Apr	14:30	PM4	10A2	
378	31	Nguyễn Thụy Minh Anh	Word	01-Apr	14:30	PM4	10A2	
379	32	Phạm Quỳnh Anh	Word	01-Apr	14:30	PM4	10A2	
380	33	Nguyễn Hoàng Ân	Word	01-Apr	14:30	PM4	10A2	
381	34	Bạch Ngọc Hạnh Dung	Word	01-Apr	14:30	PM4	10A2	
382	35	Nguyễn Hoàng Minh Khang	Word	01-Apr	14:30	PM4	10A2	
383	36	Trần Hữu Khang	Word	01-Apr	14:30	PM4	10A2	
384	37	Đặng Hoàng Phương Linh	Word	01-Apr	14:30	PM4	10A2	
385	38	Huỳnh Ngọc Khánh Linh	Word	01-Apr	14:30	PM4	10A2	

DANH SÁCH CA THI TIN HỌC VĂN PHÒNG QUỐC TẾ (MOS)

STT	STT	Họ tên	Môn	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Lớp	Ghi chú
386	1	Lê Nguyễn Thùy Linh	Word	01-Apr	16:00	PM3	10A2	
387	2	Trần Đức Mạnh	Word	01-Apr	16:00	PM3	10A2	
388	3	Nguyễn Kim Ngân	Word	01-Apr	16:00	PM3	10A2	
389	4	Phạm Phương Oanh	Word	01-Apr	16:00	PM3	10A2	
390	5	Lê Mỹ Phụng	Word	01-Apr	16:00	PM3	10A2	
391	6	Nguyễn Lan Phương	Word	01-Apr	16:00	PM3	10A2	
392	7	Hà Kim Quý	Word	01-Apr	16:00	PM3	10A2	
393	8	Biện Thanh Như Quỳnh	Word	01-Apr	16:00	PM3	10A2	
394	9	Nguyễn Ngọc Minh Thư	Word	01-Apr	16:00	PM3	10A2	
395	10	Thái Hoàng Mỹ Tiên	Word	01-Apr	16:00	PM3	10A2	
396	11	Trần Liễu Thủy Tiên	Word	01-Apr	16:00	PM3	10A2	
397	12	Trần Thiện Toàn	Word	01-Apr	16:00	PM3	10A2	
398	13	Nguyễn Bảo Trân	Word	01-Apr	16:00	PM3	10A2	
399	14	Trần Ngọc Khánh Vy	Word	01-Apr	16:00	PM3	10A2	
400	15	Trần Ngọc Khánh Vy	Word	01-Apr	16:00	PM3	10A2	
401	16	Nguyễn Ngọc Như Ý	Word	01-Apr	16:00	PM3	10A2	
402	17	Nguyễn Thị Yến	Word	01-Apr	16:00	PM3	10A2	
403	18	Đặng Phạm Tường An	Word	01-Apr	16:00	PM3	10A13	
404	19	Nguyễn Ngọc Minh Anh	Word	01-Apr	16:00	PM3	10A13	
405	20	Nguyễn Gia Bảo	Word	01-Apr	16:00	PM3	10A13	
406	21	Trần Phương Dung	Word	01-Apr	16:00	PM3	10A13	
407	22	Lê Hương Giang	Word	01-Apr	16:00	PM3	10A13	
408	23	Nguyễn Thị Hồng Hà	Word	01-Apr	16:00	PM3	10A13	
409	24	Lê Nguyễn Ngọc Hân	Word	01-Apr	16:00	PM3	10A13	
410	25	Nguyễn Tuấn Hiệp	Word	01-Apr	16:00	PM3	10A13	
411	26	Bùi Đình Hiếu	Word	01-Apr	16:00	PM3	10A13	
412	27	Nguyễn Hoàng Duy Khang	Word	01-Apr	16:00	PM3	10A13	
413	28	Nguyễn Minh Khang	Word	01-Apr	16:00	PM3	10A13	
414	29	Lâm Phan Đăng Khoa	Word	01-Apr	16:00	PM3	10A13	
415	30	Nguyễn Hoàng Mạnh Kiên	Word	01-Apr	16:00	PM3	10A13	
416	31	Phạm Khánh Linh	Word	01-Apr	16:00	PM3	10A13	
417	32	Lê Đình Hoàng Long	Word	01-Apr	16:00	PM3	10A13	
418	33	Bùi Minh Lương	Word	01-Apr	16:00	PM3	10A13	
419	34	Lê Trần Kim Ngân	Word	01-Apr	16:00	PM3	10A13	
420	35	Nguyễn Thảo Thanh Ngọc	Word	01-Apr	16:00	PM3	10A13	
421	36	Hiên Hoàng Nguyên	Word	01-Apr	16:00	PM3	10A13	
422	37	Nguyễn Đức Nhân	Word	01-Apr	16:00	PM3	10A13	
423	38	Nguyễn Hồng Uyên Nhi	Word	01-Apr	16:00	PM3	10A13	
424	39	Hồ Tấn Đạt	Word	01-Apr	16:00	PM3	10A6	
425	40	Trần Minh Đạt	Word	01-Apr	16:00	PM3	10A6	

DANH SÁCH CA THI TIN HỌC VĂN PHÒNG QUỐC TẾ (MOS)

STT	STT	Họ tên	Môn	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Lớp	Ghi chú
426	1	Đoàn Tuấn Khang	PPoint	01-Apr	16:00	PM4	11A17	
427	2	Hoàng Đức Kim Ngân	PPoint	01-Apr	16:00	PM4	11A17	
428	3	Phạm Thị Thu Trang	PPoint	01-Apr	16:00	PM4	11A17	
429	4	Nguyễn Lộc Quỳnh Như	Word	01-Apr	16:00	PM4	10A13	
430	5	Lê Tuấn Phong	Word	01-Apr	16:00	PM4	10A13	
431	6	Nguyễn Doãn Thiên Phúc	Word	01-Apr	16:00	PM4	10A13	
432	7	Nguyễn Hồng Quân	Word	01-Apr	16:00	PM4	10A13	
433	8	Trần Trị Quốc	Word	01-Apr	16:00	PM4	10A13	
434	9	Hồ Minh Quy	Word	01-Apr	16:00	PM4	10A13	
435	10	Phạm Như Sơn	Word	01-Apr	16:00	PM4	10A13	
436	11	Trần Phước Thiên Thạch	Word	01-Apr	16:00	PM4	10A13	
437	12	Châu Hoàng Thái	Word	01-Apr	16:00	PM4	10A13	
438	13	Dương Thị Thảo	Word	01-Apr	16:00	PM4	10A13	
439	14	Trần Thị Vân Thảo	Word	01-Apr	16:00	PM4	10A13	
440	15	Phạm Hoàng Thiện	Word	01-Apr	16:00	PM4	10A13	
441	16	Lê Minh Thư	Word	01-Apr	16:00	PM4	10A13	
442	17	Đào Thị Bích Thủy	Word	01-Apr	16:00	PM4	10A13	
443	18	Lê Thị Bảo Trâm	Word	01-Apr	16:00	PM4	10A13	
444	19	Lương Minh Trí	Word	01-Apr	16:00	PM4	10A13	
445	20	Mạc Nguyễn Phương Linh	Word	01-Apr	16:00	PM4	10A13	
446	21	Nguyễn Quốc An	Word	01-Apr	16:00	PM4	10A17	
447	22	Thái Thiên Ân	Word	01-Apr	16:00	PM4	10A17	
448	23	Nguyễn Thị Lan Anh	Word	01-Apr	16:00	PM4	10A17	
449	24	Nguyễn Trần Quỳnh Anh	Word	01-Apr	16:00	PM4	10A17	
450	25	Trương Tấn Đạt	Word	01-Apr	16:00	PM4	10A17	
451	26	Trương Đại Phúc Gia	Word	01-Apr	16:00	PM4	10A17	
452	27	Nguyễn Hồng Hân	Word	01-Apr	16:00	PM4	10A17	
453	28	Nguyễn Đình Khánh Linh	Word	01-Apr	16:00	PM4	10A17	
454	29	Nguyễn Khánh Linh	Word	01-Apr	16:00	PM4	10A17	
455	30	Trịnh Hoàng Ngọc Linh	Word	01-Apr	16:00	PM4	10A17	
456	31	Hồ Thiên Nga	Word	01-Apr	16:00	PM4	10A17	
457	32	Hồ Khai Nguyên	Word	01-Apr	16:00	PM4	10A17	
458	33	Nguyễn Trọng Nhân	Word	01-Apr	16:00	PM4	10A17	
459	34	Đặng Ngọc Phú	Word	01-Apr	16:00	PM4	10A17	
460	35	Nguyễn Phúc Duy Tân	Word	01-Apr	16:00	PM4	10A17	
461	36	Cung Trần Phương Thảo	Word	01-Apr	16:00	PM4	10A17	
462	37	Đoàn Minh Thư	Word	01-Apr	16:00	PM4	10A17	
463	38	Phạm Anh Thư	Word	01-Apr	16:00	PM4	10A17	
464	39	Trần Việt Nguyên	Word	01-Apr	16:00	PM4	10A6	
465	40	Lê Thanh Vinh	Word	01-Apr	16:00	PM4	10A6	

DANH SÁCH CA THI TIN HỌC VĂN PHÒNG QUỐC TẾ (MOS)

STT	STT	Họ tên	Môn	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Lớp	Ghi chú
466	1	Nguyễn Cao Uyên Thùy	Word	02-Apr	07:00	PM3	10A17	
467	2	Phạm Đình Toàn	Word	02-Apr	07:00	PM3	10A17	
468	3	Bùi Trần Bảo Trâm	Word	02-Apr	07:00	PM3	10A17	
469	4	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	Word	02-Apr	07:00	PM3	10A17	
470	5	Nguyễn Tô Trung Trực	Word	02-Apr	07:00	PM3	10A17	
471	6	Hoàng Phan Ánh Tuyết	Word	02-Apr	07:00	PM3	10A17	
472	7	Trương Khánh Vy	Word	02-Apr	07:00	PM3	10A17	
473	8	Phan Bùi Tú Yên	Word	02-Apr	07:00	PM3	10A17	
474	9	Ngô Hoàng Hải Yến	Word	02-Apr	07:00	PM3	10A17	
475	10	Nguyễn Trần Hải Yến	Word	02-Apr	07:00	PM3	10A17	
476	11	Nguyễn Lương Hồng Ngọc	Word	02-Apr	07:00	PM3	10A17	
477	12	Trương Gia Bảo	Word	02-Apr	07:00	PM3	10A6	
478	13	Phan Bảo Châu	Word	02-Apr	07:00	PM3	10A6	
479	14	Trần Trung Chiến	Word	02-Apr	07:00	PM3	10A6	
480	15	Phan Kỳ Chính	Word	02-Apr	07:00	PM3	10A6	
481	16	Huỳnh Trí Dũng	Word	02-Apr	07:00	PM3	10A6	
482	17	Mai Ngọc Minh Hiền	Word	02-Apr	07:00	PM3	10A6	
483	18	Nguyễn Hoàng Trung Hiếu	Word	02-Apr	07:00	PM3	10A6	
484	19	Trương Gia Huy	Word	02-Apr	07:00	PM3	10A6	
485	20	Võ Trọng Khôi	Word	02-Apr	07:00	PM3	10A6	
486	21	Phạm Đăng Kiên	Word	02-Apr	07:00	PM3	10A6	
487	22	Nguyễn Phúc Hải Long	Word	02-Apr	07:00	PM3	10A6	
488	23	Trần Đoàn Đức Long	Word	02-Apr	07:00	PM3	10A6	
489	24	Phạm Gia Nghi	Word	02-Apr	07:00	PM3	10A6	
490	25	Huỳnh Trung Nghĩa	Word	02-Apr	07:00	PM3	10A6	
491	26	Lê Bùi Đình Nguyên	Word	02-Apr	07:00	PM3	10A6	
492	27	Nguyễn Hoàng Thảo Nhi	Word	02-Apr	07:00	PM3	10A6	
493	28	Nguyễn Phương Thảo Nhi	Word	02-Apr	07:00	PM3	10A6	
494	29	Đỗ Minh Phúc	Word	02-Apr	07:00	PM3	10A6	
495	30	Triệu Lê Vy Thảo	Word	02-Apr	07:00	PM3	10A6	
496	31	Nguyễn Phúc Trung Thiên	Word	02-Apr	07:00	PM3	10A6	
497	32	Đậu Mỹ Uyên	Word	02-Apr	07:00	PM3	10A6	
498	33	Phạm Nguyễn Nguyên Vũ	Word	02-Apr	07:00	PM3	10A6	
499	34	Chung Ngọc Như Ý	Word	02-Apr	07:00	PM3	10A6	
500	35	Lê Quang Thiên Ân	Word	02-Apr	07:00	PM3	10A4	
501	36	Nguyễn Hoài Ân	Word	02-Apr	07:00	PM3	10A4	
502	37	Phạm Hồng Ân	Word	02-Apr	07:00	PM3	10A4	
503	38	Ngô Quốc Bảo	PPoint	02-Apr	07:00	PM3	11A6	

DANH SÁCH CA THI TIN HỌC VĂN PHÒNG QUỐC TẾ (MOS)

STT	STT	Họ tên	Môn	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Lớp	Ghi chú
504	1	Đoàn Ngọc Quốc Bảo	Word	02-Apr	08:30	PM3	10A4	
505	2	Lưu Gia Bảo	Word	02-Apr	08:30	PM3	10A4	
506	3	Mai Nguyễn Quốc Bình	Word	02-Apr	08:30	PM3	10A4	
507	4	Nguyễn Nhật Chương	Word	02-Apr	08:30	PM3	10A4	
508	5	Phạm Phú Cường	Word	02-Apr	08:30	PM3	10A4	
509	6	Ngô Ngọc Đạt	Word	02-Apr	08:30	PM3	10A4	
510	7	Đào Chí Dũng	Word	02-Apr	08:30	PM3	10A4	
511	8	Doãn Mạnh Dũng	Word	02-Apr	08:30	PM3	10A4	
512	9	Trần Huy Hoàng	Word	02-Apr	08:30	PM3	10A4	
513	10	Đặng Minh Hưng	Word	02-Apr	08:30	PM3	10A4	
514	11	Nguyễn Minh Khang	Word	02-Apr	08:30	PM3	10A4	
515	12	Nguyễn Hoàng Minh Khôi	Word	02-Apr	08:30	PM3	10A4	
516	13	Phạm Trung Kiên	Word	02-Apr	08:30	PM3	10A4	
517	14	Trương Gia Kỳ	Word	02-Apr	08:30	PM3	10A4	
518	15	Lê Thị Trúc Lam	Word	02-Apr	08:30	PM3	10A4	
519	16	Bùi Kim Lộc	Word	02-Apr	08:30	PM3	10A4	
520	17	Trần Phi Long	Word	02-Apr	08:30	PM3	10A4	
521	18	Vũ Nguyễn Hoàng Long	Word	02-Apr	08:30	PM3	10A4	
522	19	Lê Tuệ Mẫn	Word	02-Apr	08:30	PM3	10A4	
523	20	Bùi Chu Mạnh	Word	02-Apr	08:30	PM3	10A4	
524	21	Nguyễn Nghiêm Minh	Word	02-Apr	08:30	PM3	10A4	
525	22	Nguyễn Như Hồng Ngân	Word	02-Apr	08:30	PM3	10A4	
526	23	Huỳnh Thanh Nghị	Word	02-Apr	08:30	PM3	10A4	
527	24	Nguyễn Đức Phát	Word	02-Apr	08:30	PM3	10A4	
528	25	Lê Hữu Phúc	Word	02-Apr	08:30	PM3	10A4	
529	26	Lê Vũ Minh Quân	Word	02-Apr	08:30	PM3	10A4	
530	27	Nguyễn Minh Quân	Word	02-Apr	08:30	PM3	10A4	
531	28	Phạm Gia Quân	Word	02-Apr	08:30	PM3	10A4	
532	29	Phạm Thanh Hoài Tâm	Word	02-Apr	08:30	PM3	10A4	
533	30	Lê Quốc Thái	Word	02-Apr	08:30	PM3	10A4	
534	31	Mai Nguyễn Minh Thư	Word	02-Apr	08:30	PM3	10A4	
535	32	Huỳnh Văn Thuận	Word	02-Apr	08:30	PM3	10A4	
536	33	Trịnh Đức Tiến	Word	02-Apr	08:30	PM3	10A4	
537	34	Nguyễn Thị Ngọc Tuyết	Word	02-Apr	08:30	PM3	10A4	
538	35	Lê Tú Uyên	Word	02-Apr	08:30	PM3	10A4	
539	36	Trần Khánh Trình	Word	02-Apr	08:30	PM3	10A4	
540	37	Nguyễn Ngọc Anh Thư	Word	02-Apr	08:30	PM3	10A4	

DANH SÁCH CA THI TIN HỌC VĂN PHÒNG QUỐC TẾ (MOS)

STT	STT	Họ tên	Môn	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Lớp	Ghi chú
541	1	Nguyễn Hải Nam	PPoint	02-Apr	10:00	PM3	11A15	
542	2	Nguyễn Minh Đức	Word	02-Apr	10:00	PM3	10A4	
543	3	Đinh Lê Thiên Ân	Word	02-Apr	10:00	PM3	10A3	
544	4	Hoàng Tuấn Anh	Word	02-Apr	10:00	PM3	10A3	
545	5	Lê Nguyễn Việt Anh	Word	02-Apr	10:00	PM3	10A3	
546	6	Lê Trần Thanh Bình	Word	02-Apr	10:00	PM3	10A3	
547	7	Nguyễn Trịnh Minh Châu	Word	02-Apr	10:00	PM3	10A3	
548	8	Nguyễn Xuân Duy	Word	02-Apr	10:00	PM3	10A3	
549	9	Hoàng Ngọc Kỳ Duyên	Word	02-Apr	10:00	PM3	10A3	
550	10	Lê Thị Mỹ Duyên	Word	02-Apr	10:00	PM3	10A3	
551	11	Nguyễn Ngọc Gia Hân	Word	02-Apr	10:00	PM3	10A3	
552	12	Trần Đặng Gia Hân	Word	02-Apr	10:00	PM3	10A3	
553	13	Trần Gia Hân	Word	02-Apr	10:00	PM3	10A3	
554	14	Trương Hoàng Ngọc Hân	Word	02-Apr	10:00	PM3	10A3	
555	15	Lưu Gia Huy	Word	02-Apr	10:00	PM3	10A3	
556	16	Tô Thanh Huyền	Word	02-Apr	10:00	PM3	10A3	
557	17	Nguyễn Hà Phương Linh	Word	02-Apr	10:00	PM3	10A3	
558	18	Nguyễn Phạm Phương Linh	Word	02-Apr	10:00	PM3	10A3	
559	19	Nguyễn Khánh Minh	Word	02-Apr	10:00	PM3	10A3	
560	20	Dư Tổ Nga	Word	02-Apr	10:00	PM3	10A3	
561	21	Đinh Thị Thảo Ngân	Word	02-Apr	10:00	PM3	10A3	
562	22	Trần Phạm Kim Ngân	Word	02-Apr	10:00	PM3	10A3	
563	23	Nguyễn Lê Bảo Ngọc	Word	02-Apr	10:00	PM3	10A3	
564	24	Châu Lê Tuyết Nhi	Word	02-Apr	10:00	PM3	10A3	
565	25	Nguyễn Vũ Bảo Nhi	Word	02-Apr	10:00	PM3	10A3	
566	26	Trần Thị Yến Nhi	Word	02-Apr	10:00	PM3	10A3	
567	27	Hồ Thiên Phú	Word	02-Apr	10:00	PM3	10A3	
568	28	Bùi Hồ Minh Phước	Word	02-Apr	10:00	PM3	10A3	
569	29	Nguyễn Ngọc Minh Phương	Word	02-Apr	10:00	PM3	10A3	
570	30	Trần Lê Minh Quang	Word	02-Apr	10:00	PM3	10A3	
571	31	Nguyễn Mạnh Quốc	Word	02-Apr	10:00	PM3	10A3	
572	32	Nguyễn Phương Ngọc Thắm	Word	02-Apr	10:00	PM3	10A3	
573	33	Nguyễn Hoàng Thông	Word	02-Apr	10:00	PM3	10A3	
574	34	Cao Anh Thư	Word	02-Apr	10:00	PM3	10A3	
575	35	Hoàng Bảo Thy	Word	02-Apr	10:00	PM3	10A3	
576	36	Nguyễn Ngọc Phương Anh	Word	02-Apr	10:00	PM3	10A15	
577	37	Phạm Nguyễn Phương Linh	Word	02-Apr	10:00	PM3	10A15	
578	38	Trương Minh Ngọc	Word	02-Apr	10:00	PM3	10A15	

DANH SÁCH CA THI TIN HỌC VĂN PHÒNG QUỐC TẾ (MOS)

STT	STT	Họ tên	Môn	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Lớp	Ghi chú
579	1	Nguyễn Thị Ý Túc	Word	02-Apr	13:00	PM3	10A3	
580	2	Nguyễn Vĩnh Cát Tường	Word	02-Apr	13:00	PM3	10A3	
581	3	Bùi Nguyễn Thuý Uyên	Word	02-Apr	13:00	PM3	10A3	
582	4	Nguyễn Thiên Vĩ	Word	02-Apr	13:00	PM3	10A3	
583	5	Nguyễn Lê Đông Vy	Word	02-Apr	13:00	PM3	10A3	
584	6	Nguyễn Huỳnh Phú An	Word	02-Apr	13:00	PM3	10A5	
585	7	Đặng Kỳ Anh	Word	02-Apr	13:00	PM3	10A5	
586	8	Hà Quỳnh Anh	Word	02-Apr	13:00	PM3	10A5	
587	9	Nguyễn Phúc Anh	Word	02-Apr	13:00	PM3	10A5	
588	10	Nguyễn Trang Minh Anh	Word	02-Apr	13:00	PM3	10A5	
589	11	Nguyễn Mai Gia Bảo	Word	02-Apr	13:00	PM3	10A5	
590	12	Nguyễn Tiến Đạt	Word	02-Apr	13:00	PM3	10A5	
591	13	Nguyễn Đông Thủy Dương	Word	02-Apr	13:00	PM3	10A5	
592	14	Trần Quỳnh Giang	Word	02-Apr	13:00	PM3	10A5	
593	15	Nguyễn Thu Hà	Word	02-Apr	13:00	PM3	10A5	
594	16	Phạm Ngọc Thanh Hằng	Word	02-Apr	13:00	PM3	10A5	
595	17	Lê Hải Kim Huyền	Word	02-Apr	13:00	PM3	10A5	
596	18	Trần Hải Nam Khang	Word	02-Apr	13:00	PM3	10A5	
597	19	Lâm Đức Anh Khoa	Word	02-Apr	13:00	PM3	10A5	
598	20	Phạm Huỳnh Anh Khoa	Word	02-Apr	13:00	PM3	10A5	
599	21	Trần Tuệ Lâm	Word	02-Apr	13:00	PM3	10A5	
600	22	Lê Hoàng Yến Mi	Word	02-Apr	13:00	PM3	10A5	
601	23	Huỳnh Nguyễn Gia Nghi	Word	02-Apr	13:00	PM3	10A5	
602	24	Nguyễn Hằng Minh Ngọc	Word	02-Apr	13:00	PM3	10A5	
603	25	Bùi Khải Nguyên	Word	02-Apr	13:00	PM3	10A5	
604	26	Nguyễn Viết Phú	Word	02-Apr	13:00	PM3	10A5	
605	27	Phạm Ngọc Lê Phương	Word	02-Apr	13:00	PM3	10A5	
606	28	Nguyễn Quân	Word	02-Apr	13:00	PM3	10A5	
607	29	Phạm Hữu Minh Sang	Word	02-Apr	13:00	PM3	10A5	
608	30	Võ Đắc Tài	Word	02-Apr	13:00	PM3	10A5	
609	31	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	Word	02-Apr	13:00	PM3	10A5	
610	32	Nguyễn Lê Gia Thy	Word	02-Apr	13:00	PM3	10A5	
611	33	Đặng Thị Thủy Tiên	Word	02-Apr	13:00	PM3	10A5	
612	34	Đinh Thị Phương Trinh	Word	02-Apr	13:00	PM3	10A5	
613	35	Đặng Thị Ngọc Trúc	Word	02-Apr	13:00	PM3	10A5	
614	36	Đinh Thị Hồng Trúc	Word	02-Apr	13:00	PM3	10A5	
615	37	Lê Đình Trung	Word	02-Apr	13:00	PM3	10A5	
616	38	Nguyễn Duyên Thảo	Word	02-Apr	13:00	PM3	10A15	
617	39	Nguyễn Minh Thông	Word	02-Apr	13:00	PM3	10A15	
618	40	Phạm Trung Thông	Word	02-Apr	13:00	PM3	10A15	

DANH SÁCH CA THI TIN HỌC VĂN PHÒNG QUỐC TẾ (MOS)

STT	STT	Họ tên	Môn	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Lớp	Ghi chú
619	1	Vũ Hồng Ngọc	PPoint	02-Apr	14:30	PM3	11A10	
620	2	Lê Thị Thanh Phụng	PPoint	02-Apr	14:30	PM3	11A10	
621	3	Lê Thị Hồng Ngọc	PPoint	02-Apr	14:30	PM3	11A10	
622	4	Trần Bảo Nhi	PPoint	02-Apr	14:30	PM3	11A16	
623	5	Nguyễn Đức Thư Kỳ	PPoint	02-Apr	14:30	PM3	11A16	
624	6	Huỳnh Đỗ Bảo Thy	PPoint	02-Apr	14:30	PM3	11A16	
625	7	Trần Nguyễn Hải Đăng	PPoint	02-Apr	14:30	PM3	11A16	
626	8	Đinh Mai Anh Tuấn	Word	02-Apr	14:30	PM3	10A5	
627	9	Nguyễn Ngọc Cát Tường	Word	02-Apr	14:30	PM3	10A5	
628	10	Nguyễn Thụy Hải Tường	Word	02-Apr	14:30	PM3	10A5	
629	11	Huỳnh Ngọc Việt	Word	02-Apr	14:30	PM3	10A5	
630	12	Nguyễn Lê Hải Yến	Word	02-Apr	14:30	PM3	10A5	
631	13	Lê Kim Anh	Word	02-Apr	14:30	PM3	10A15	
632	14	Phạm Ngọc Anh	Word	02-Apr	14:30	PM3	10A15	
633	15	Đào Ngọc Ánh	Word	02-Apr	14:30	PM3	10A15	
634	16	Phạm Ngọc Ánh	Word	02-Apr	14:30	PM3	10A15	
635	17	Khổng Minh Châu	Word	02-Apr	14:30	PM3	10A15	
636	18	Lê Quỳnh Chi	Word	02-Apr	14:30	PM3	10A15	
637	19	Nguyễn Trần Thực Hân	Word	02-Apr	14:30	PM3	10A15	
638	20	Giảng Hoàng Hà Khanh	Word	02-Apr	14:30	PM3	10A15	
639	21	Hoàng Diệu Linh	Word	02-Apr	14:30	PM3	10A15	
640	22	Trần Bảo Linh	Word	02-Apr	14:30	PM3	10A15	
641	23	Võ Hoàng Thùy Linh	Word	02-Apr	14:30	PM3	10A15	
642	24	Nguyễn Linh Trúc My	Word	02-Apr	14:30	PM3	10A15	
643	25	Phạm Uyên Nghi	Word	02-Apr	14:30	PM3	10A15	
644	26	Trần Hạ Nguyên	Word	02-Apr	14:30	PM3	10A15	
645	27	Nguyễn Vĩnh Phúc	Word	02-Apr	14:30	PM3	10A15	
646	28	Đặng Mỹ Phương	Word	02-Apr	14:30	PM3	10A15	
647	29	Trần Như Quỳnh	Word	02-Apr	14:30	PM3	10A15	
648	30	Nguyễn Lưu Bảo Thanh	Word	02-Apr	14:30	PM3	10A15	
649	31	Đỗ Anh Thư	Word	02-Apr	14:30	PM3	10A15	
650	32	Nguyễn Ngọc Thủy Tiên	Word	02-Apr	14:30	PM3	10A15	
651	33	Nguyễn Ngọc Bích Trâm	Word	02-Apr	14:30	PM3	10A15	
652	34	Nguyễn Kiều Trang	Word	02-Apr	14:30	PM3	10A15	
653	35	Lê Hải Triều	Word	02-Apr	14:30	PM3	10A15	
654	36	Nguyễn Lê Cát Tường	Word	02-Apr	14:30	PM3	10A15	
655	37	Nguyễn Đoàn Tường Vy	Word	02-Apr	14:30	PM3	10A15	
656	38	Đinh Quốc Toại	Word	02-Apr	14:30	PM3	10A15	
657	39	Đỗ Quốc Bảo	Word	02-Apr	14:30	PM3	10A3	

DANH SÁCH CA THI TIN HỌC VĂN PHÒNG QUỐC TẾ (MOS)

STT	STT	Họ tên	Môn	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Lớp	Ghi chú
658	1	Lê Minh Thư	Word	02-Apr	16:00	PM3	10A5	
659	2	Nguyễn Lê Anh Thúy	Word	02-Apr	16:00	PM3	10A15	
660	3	Nguyễn Lê Anh Thùy	Word	02-Apr	16:00	PM3	10A15	
661	4	Nguyễn Gia Hân	Word	02-Apr	16:00	PM3	10A15	